TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **238**/2023/DS-PT
Ngày: 30/5/2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂNTHÀNH PHỐ CẦN THƠ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Quốc

Các Thẩm phán: 1/- Ông Võ Bảo Anh.

2/- Bà Hà Thị Phương Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Huỳnh Thái Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Bùi Trung Nam - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2023/TLPT-DS ngày 24 tháng 02 năm 2023 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 62/2022/DS-ST ngày 14/10/2022 của Toà án nhân dân huyện Cờ Đỏ bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 245/2023/QĐ-PT ngày 11/4/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Thúy H. sinh năm: 1985. Địa chỉ: D khu dân cư G, ấp E, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Phạm Văn V. sinh năm: 1980. Địa chỉ: TT,Chung cư L, Hồ Văn L, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (*văn bản ủy quyền ngày 23/5/2020*).

2. Bị đơn: Bà Phan Thị C. sinh năm: 1961.
Ông Trần Văn Bé T. sinh năm: 1949.
Chị Trần Thị Cẩm N. sinh năm: 1986.
Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ.

3. Người kháng cáo: Bị đơn ông Trần Văn Bé T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn chị* Đỗ Thị Thúy H *thông qua người đại diện theo ủy quyền anh* Phạm Văn V *trình bày:*

Do chị Đỗ Thị Thúy H có quen biết với chị Trần Thị Cẩm N từ trước nên ngày 24/11/2019 chị H có cho chị N vay số tiền 120.000.000đ, có lập giấy vay tiền và cha mẹ chị N là ông Trần Văn Bé T, bà Phan Thị C ký bảo lãnh. Chị H có quay video thể hiện vợ chồng ông T, bà C đồng ý bảo lãnh khoản vay của chị N. Các bên cam kết đến ngày 01/12/2019 phía chị N có trách nhiệm trả cho nguyên đơn 120 triệu, trường hợp chị N không trả nợ thì vợ chồng ông T, bà C trả cho chị H vào ngày 02/12/2019. Tuy nhiên, đến hạn chị N cũng như vợ chồng ông T, bà C không trả tiền theo cam kết. Nguyên đơn nhiều lần liên hệ nhưng phía bị đơn chỉ hứa hẹn mà không trả nợ. Do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông T, bà C trả nợ. Sau đó nguyên đơn bổ sung đơn khởi kiện yêu cầu thêm chị N cùng liên đới trả nợ. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm đại diện nguyên đơn xác định thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu chị N và ông T liên đới trả cho nguyên đơn số tiền 120 triệu, không yêu cầu tính lãi.

* *Bị đơn bà* Phan Thị C*, ông* Trần Văn Bé T*, chị* Trần Thị Cẩm N*:* vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết ông T có trình bày:

Ông T là cha ruột của chị Trần Thị Cẩm N. Những lần Tòa án triệu tập chị N thì ông đều thông báo cho chị N biết về việc chị H có khởi kiện yêu cầu chị N trả số nợ 120.000.000đ. Tuy nhiên, chị N cho ông biết chị có vay nợ chị H nhiều lần với số tiền gốc là 38.000.000đ. Ông xác định không có nhận tiền vay của chị H cũng như không ký bảo lãnh khoản vay 120.000.000đ theo giấy vay tiền nguyên đơn cung cấp. Do đó, ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Vụ việc hòa giải không thành nên Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ đưa ra xét xử; tại Bản án sơ thẩm số: 62/2022/DS-ST ngày 14/10/2022 đã tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc chị Trần Thị Cẩm N *và ông* Trần Văn B T *có trách nhiệm liên đới trả cho chị* Đỗ Thị T1 *Hằng số tiền 120.000.000đ.*

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi chậm thực hiện nghĩa vụ, án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 02/11/2022 bị đơn ông Trần Văn B T kháng cáo cho rằng ông không ký tên cam kết bảo lãnh nợ cho con gái ông; đồng thời đoạn video mà Tòa sơ thẩm dùng làm chứng cứ không rõ nguồn gốc, không được thu thập một cách hợp pháp, chưa có căn cứ chứng minh hình ảnh, giọng nói trong đoạn video đó là ông, yêu cầu phúc thẩm sửa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo xác định vẫn giữ yêu cầu kháng cáo. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ ý kiến và yêu cầu bác kháng cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên phúc thẩm phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng, đương sự và Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Về nội dung: do tài liệu, chứng cứ cấp sơ thẩm thu thập chưa tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng

dân sự, chưa có căn cứ vững chắc để kết luận những người trong đoạn video mà phía nguyên đơn cung cấp là người đã vay tiền nguyên đơn, người bảo lãnh nợ, kể cả là người đã cho vay tiền. Đồng thời khi xử sơ thẩm thì bà C đã chết, chưa xác định và đưa người kế thừa tố tụng của bà C vào tham gia là có thiếu sót. Đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông T, hủy bản án sơ thẩm, giao về cấp sơ thẩm giải quyết lại đúng quy định pháp luật.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn ông Trần Văn Bé T, bà Phan Thị C và chị Trần Thị Cẩm N trả nợ theo "Giấy vay tiền ngày 24/11/2019". Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Trần Văn Bé T có kháng cáo yêu cầu xem xét lại bản án sơ thẩm. Xét kháng cáo, thấy rằng:

* Về tố tụng:

[2] Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án vào ngày 14/10/2022 và bản án xác định bà Phan Thị C là bị đơn, trong khi bà C đã chết vào ngày 27/5/2021 theo giấy Trích lục khai tử số 1190/TLKT-BS ngày 07/6/2021 của UBND xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. Đồng thời tại phiên tòa phúc thẩm ông T xác định khi vợ ông chết, do lúc đó chưa có giấy chứng tử nên ông chỉ đến Tòa án huyện C trình báo miệng với Thư ký (không có lập biên bản). Như vậy, thời điểm xét xử sơ thẩm thì bà C đã chết và cấp sơ thẩm đã biết, chưa xác định được người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bà C. Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của đại diện nguyên đơn thay đổi yêu cầu người trả nợ tại phiên tòa sơ thẩm là ông T và chị N, loại bỏ trách nhiệm liên đới của bà C nếu thực sự bà Chuông là người bảo lãnh nợ cho chị N là không đúng quy định pháp luật.

[3] Chứng cứ để nguyên đơn khởi kiện đòi nợ bị đơn là "Giấy vay tiền ngày 24/11/2019" trong đó có chữ ký của chị N và người bảo lãnh là ông T, còn bà C thì gạch chéo. Do văn bản này không có công chứng, chứng thực nên cấp sơ thẩm trưng cầu giám định chữ ký của ông T. Tuy nhiên, tại Kết luận giám định số 19/KLGĐ-PC(09) ngày 26/01/2021 của Phòng K Công an thành phố C xác định không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Trần Văn Bé T trên giấy nợ với chữ ký mẫu là do cùng một người ký. Đồng thời trong suốt quá trình tố tụng ở cấp sơ thẩm chị N vắng mặt, nguyên đơn không cung cấp được mẫu chữ ký của chị N và người đại diện của nguyên đơn xác định nguyên đơn không yêu cầu Tòa án sơ thẩm giám định chữ ký của chị N. Một điều đáng nói là cấp sơ thẩm chỉ giám định chữ ký của người được cho là bão lãnh nợ chứ không giám định chữ ký của người vay nợ, mà lẽ ra phải xác định chị N có vay tiền của nguyên đơn thật không, chỉ khi xác định

có người vay nợ thì mới xem xét đến có việc bảo lãnh nợ. Như vậy "Giấy vay tiền ngày 24/11/2019" chưa đủ căn cứ chứng minh chị N có vay nợ nguyên đơn và ông T, bà C là người bảo lãnh nợ cho chị N.

[4] Án sơ thẩm nhận định: "*... nguyên đơn ngoài căn cứ vào giấy vay tiền để yêu cầu vợ chồng ông T và chị N có trách nhiệm liên đới trả số nợ 120.000.000đ thì phía nguyên đơn có cung cấp đoạn video xác định chị N có nợ nguyên đơn 120.000.000đ và ông T thống nhất bảo lãnh khoản nợ cho chị N nên cần buộc chị N và ông T có trách nhiệm liên đới trả cho chị Hằng số nợ 120.000.000đ ....*" là chưa có căn cứ vững chắc. Bởi lẽ, như ông T đã kháng cáo có nêu tài liệu này chưa được cấp sơ thẩm công bố công khai chứng cứ, cũng không cung cấp cho bị đơn, không tiến hành trưng cầu giám định nội dung, hình ảnh trong đoạn Video theo quy định tại khoản 5 Điều 96 và Điều 102 Bộ luật tố tụng dân sự để đối chất, làm rõ xem người trong đoạn Video đó có phải là bị đơn không, bị đơn có thừa nhận các nội dung trong đó hay không mới đủ cơ sở để kết luận.

Thực tế qua xem xét nội dung của đoạn Video chỉ thể hiện chung chung như "*…con của cô chú có vay tiền của bên con ... cô chú có đồng ý bảo lãnh cho con của cô chú…..*". Như vậy, "*bên con*" là ai? là người đang quay Video hay là ai? nội dung không rõ ràng, không thể hiện ai vay tiền? vay tiền của ai? họ tên là gì?... Cho thấy việc thu thập chứng cứ và sử dụng chứng cứ của cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, dẫn đến việc đánh giá chứng cứ chưa khách quan, phán quyết phiến diện thiếu căn cứ thuyết phục.

Bị đơn kháng cáo có căn cứ nên được chấp nhận; Quan điểm của Kiểm sát viên phúc thẩm là phù hợp và có căn cứ nên chấp nhận đề nghị hủy bản án sơ thẩm giao về cấp sơ thẩm giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Ông T không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn Bé T.

1/- Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 62/2022/DS-ST ngày 14/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ xét xử vụ án: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* có các đương sự nêu trên.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ để xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

2/- Về án phí và chi phí tố tụng khác: chưa ai phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- Các đương sự
- VKSND.TPCT
- TAND.H.Cờ Đỏ.
- Chi cục THADS.Cờ Đỏ.
- Lưu (HS - 2b).

(đã ký)

Trần Tuấn Quốc